1. **Tham gia phòng chat.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Tham gia phòng chat |
| **Mô tả** | Kênh trò chuyện, trao đổi thông tin nhanh giữa các  người dùng. |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | Trang chủ. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng đăng nhập thành công. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Người dùng nhập input: tin nhắn. 2. Người dùng chọn gửi. 3. Hệ thống kiểm tra tin không trống. (hợp lệ). 4. Hệ thống thêm tin nhắn của người dùng vào khung chat. 5. Hệ thống thông báo tới tất cả người dùng đang online. 6. Kết thúc usecase. |
| **Luồng sự kiện phụ** | 1. Nếu tin nhắn trống: không làm gì hết. |

1. **Tham gia cuộc thi trưc tuyến.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Tham gia cuộc thi trưc tuyến. |
| **Mô tả** | Tổ chức theo đợt, có tính giờ và có bảng xếp hạng 10  thí sinh có kết quả cao nhất. |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | Chọn tham gia thi ở trang chủ. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng đăng nhập thành công. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Người dùng chọn bắt đầu. 2. Nếu người dùng chưa thì bài thi này thì hệ thống tải danh sách hỏi lên cho màn hình và bắt đầu tính giờ. 3. Người dùng nhập đáp án cho các câu hỏi. 4. Người dùng chọn hoàn thành bài thi. 5. Hệ thống ghi nhận bài thì, thời gian làm bài, tính số điểm của người dùng và hiện thị kết quả lên cho người dùng. 6. Kết thúc use case. |
| **Luồng sự kiện phụ** | 1. Nếu hết thời gian: thông báo hết thời gian và thực hiện bước 5 trong luồng sự kiện chính. 2. Nếu người dùng đã thi bài thi này: Hệ thống thông báo “bài thi chỉ thi 1 lần. Vui lòng đợi kỳ thì tiếp theo.” |

1. **Tra cứu toàn cục**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Tra cứu toàn cục |
| **Mô tả** | Tìm kiếm tấ cả những nội dung liên quan. |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | Chọn tìm kiếm ở trang chủ. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | không có |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Người dùng nhập từ khóa cần tìm. 2. Người tìm bấm enter hoặc bấm tìm kiếm. 3. Hệ thống tìm kiếm theo: kết quả gần giống với nội dụng nhất, sắp xếp theo tỉ lệ gần giống nhất và hiện thị lên cho người dùng xem. 4. Kết thúc use case. |
| **Luồng sự kiện phụ** | 1. Nếu tìm không có kết quả: hiện thông báo “không tìm thấy kết quả.”. |

1. **Tra cứu ngân hàng đề thi.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Tra cứu ngân hàng đề thi. |
| **Mô tả** | Tìm kiếm đề thi. |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | Người dùng chọn đề thì từ trang chủ và chọn tìm kiếm. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Không có. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Người dùng nhập từ khóa cần tìm. 2. Người tìm bấm enter hoặc bấm tìm kiếm. 3. Hệ thống tìm kiếm theo: kết quả gần giống với nội dung nhất, sắp xếp theo tỉ lệ gần giống nhất và hiện thị lên cho người dùng xem. 4. Kết thúc use case. |
| **Luồng sự kiện phụ** | 1. Nếu tìm không có kết quả: hiện thông báo “không tìm thấy kết quả.”. |

1. **Tra cứu ngân hàng bài tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Tra cứu ngân hàng bải tập. |
| **Mô tả** | Tìm kiếm bài tập. |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | Người dùng chọn bài tập từ trang chủ và chọn tìm kiếm. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Không có. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Người dùng nhập từ khóa cần tìm. 2. Người tìm bấm enter hoặc bấm tìm kiếm. 3. Hệ thống tìm kiếm theo: kết quả gần giống với nội dung nhất, sắp xếp theo tỉ lệ gần giống nhất và hiện thị lên cho người dùng xem. 4. Kết thúc use case. |
| **Luồng sự kiện phụ** | 1. Nếu tìm không có kết quả: hiện thông báo “không tìm thấy kết quả.”. |

1. **Tra cứu sách giáo khoa.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Tra cứu sách giáo khoa. |
| **Mô tả** | Tìm kiếm sách giáo khoa. |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | Người dùng chọn sách giao khoa, và chọn tìm kiếm. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Không có. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Người dùng nhập từ khóa cần tìm. 2. Người tìm bấm enter hoặc bấm tìm kiếm. 3. Hệ thống tìm kiếm theo: kết quả gần giống với nội dung nhất, sắp xếp theo tỉ lệ gần giống nhất và hiện thị lên cho người dùng xem. 4. Kết thúc use case. |
| **Luồng sự kiện phụ** | 1. Nếu tìm không có kết quả: hiện thông báo “không tìm thấy kết quả.”. |

1. **Đăng tải nội dung vắn tắt wiki300**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Đăng tải nội dung vắn tắt wiki300 |
| **Mô tả** | Dựa trên hình thức “Từ khóa và Mô tả”. Mỗi từ/cụm từ khóa sẽ chỉ có tối đa 300 ký tự để mô tả sơ bộ ý  nghĩa. Mỗi từ khóa sẽ có nhiều mô tả (do người dùng  đóng góp). Thứ tự hiển thị sẽ được ưu tiên dựa trên  sự bình chọn của cộng đồng. Ngoài ra, mỗi từ khóa  còn có danh sách các từ khóa khác liên quan. |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | Chọn đăng Wiki 300 tại menu trang chủ. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng đăng nhập thành công. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Người dùng nhập thông tin: từ khóa và mô tả. 2. Người dùng chọn đăng. 3. Hệ thống lưu lại thông tin thành công. 4. Thông báo tới người dùng: “Đăng thành công.” 5. Kết thúc usecase. |
| **Luồng sự kiện phụ** | 1. Người dùng chưa nhập từ khóa mà bấm đăng: thông báo “vui lòng nhập từ khóa.” và chuyển vùng chọn vào từ khóa. 2. Nếu người dùng chưa nhập mô tả mà bấm đăng: thông báo “vui lòng nhập mô tả.” và chuyển vùng chọn vào mô tả. 3. Nếu mô tả vướt quá 300 ký tự: hệ thống không cho nhập tiếp. 4. Nếu đăng không thành công: thông báo tới người dùng “đăng không thành công.”. |

1. **Tra cứu nội dung wiki300**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Tra cứu nội dung wiki300 |
| **Mô tả** | Tìm kiếm wiki300 |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | 1. Chọn wiki từ trang chủ. 2. Chọn tìm kiếm. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Không có. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Người dùng nhập từ khóa cần tìm. 2. Người tìm bấm enter hoặc bấm tìm kiếm. 3. Hệ thống tìm kiếm theo: từ gần giống nhất và sort theo bình chọn giảm dần đối với những kết quả có cùng từ khóa. Hiển thị kết quả lên cho người dùng. 4. Kết thúc use case. |
| **Luồng sự kiện phụ** | 1. Nếu tìm không có kết quả: hiện thông báo “không tìm thấy kết quả.”. |

1. **Xem xếp hạng câu hỏi.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Xem xếp hạng câu hỏi. |
| **Mô tả** | Xem xếp hạng câu hỏi. |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | Chọn câu hỏi từ trang chủ. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Không có. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Hệ thống lọc xếp hạng câu hỏi và hiện thị lên cho người dùng. 2. Kết thúc use case. |
| **Luồng sự kiện phụ** | Không có. |

1. **Bình chọn đáp án.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Bình chọn đáp án. |
| **Mô tả** | bình chọn đáp án của câu hỏi. |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | Người dùng chọn câu hỏi cần trả lời trong câu hỏi và chọn đáp án cần bình chọn. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng đăng nhập thành công. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Người chọn số sao cho đáp án. 2. Hệ thống ghi nhận bình chọn của người dùng. 3. Kết thúc use case. |
| **Luồng sự kiện phụ** | Không có. |

1. **Đăng tải đáp án.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Đăng tải đáp án. |
| **Mô tả** | Trả lời câu hỏi. |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | 1. Người dùng chọn câu hỏi cần trả lời trong câu hỏi và nhấn đăng đáp án. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng đăng nhập thành công. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Người dùng nhập đáp án. 2. Người dùng bấm trả lời. 3. Hệ thống lưu đáp án vào database. 4. Lưu thành công: thông báo “lưu thành công.”. 5. Kết thúc use case. |
| **Luồng sự kiện phụ** | 1. Nếu người dùng chưa nhập đáp án mà bấm trả lời: thông báo “vui lòng nhập đáp án” và chuyển vùng chọn vào đáp án. 2. Nếu lưu không thành công: thông báo “lưu không thành công.”. |

1. **Đăng tải câu hỏi.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Đăng tài câu hỏi. |
| **Mô tả** | Đăng câu hỏi mới. |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | 1. Người dùng chọn câu hỏi từ trang chủ. 2. Người dùng chọn đăng câu hỏi. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng đăng nhập thành công. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Người dùng nhập câu hỏi. 2. Người dùng bấm đăng. 3. Hệ thống lưu câu hỏi lại. 4. Lưu thành công: thống báo “đăng thành công”. 5. Kết thúc use case. |
| **Luồng sự kiện phụ** | 1. Nếu người dùng bỏ trống câu hỏi mà bấm đăng: thông báo “không để trống câu hỏi.” và chuyển vùng chọn vào câu hỏi. 2. Nếu đăng không thành công: thông báo “đăng không thánh công.”. |

1. **Tra cứu câu hỏi.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Tra cứu câu hỏi. |
| **Mô tả** | Tìm kiếm câu hỏi. |
| **Actor** | Người dùng thường trực. |
| **Điều kiện kích hoạt** | 1. Người dùng chọn câu hỏi trong trang chủ. 2. Người dùng chọn tìm kiếm. |
| **Các Use-Case liên quan** | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Không có. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Người dùng nhập từ khóa cần tìm. 2. Người tìm bấm enter hoặc bấm tìm kiếm. 3. Hệ thống tìm kiếm theo: kết quả câu hỏi gần giống với nội dụng nhất và hiện thị lên cho người dùng xem. 4. Kết thúc use case. |
| **Luồng sự kiện phụ** | 1. Nếu tìm không có kết quả: hiện thông báo “không tìm thấy kết quả.”. |